

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 07-8-2024

V/v "Cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng
Bà Nguyễn Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chí Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 06/2024/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Cấp dưỡng nuôi con".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Bà Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào năm 2022 bà H và ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 134/2022/QĐCN-HGT ngày 27/6/2022. Tại quyết định này thì bà H là người trực tiếp trông nom, nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Mai L, sinh ngày 20/12/2008 cho đến khi cháu thành niên, về vấn đề cấp dưỡng thì các bên không yêu cầu.

Tuy nhiên, hiện nay cháu L đang học lớp 10 tại thị trấn Đ, huyện B cách xa nhà nên chi phí cho việc học tập và đi lại của cháu L ngày một tăng. Cụ thể: Tiền học phí, tiền học thêm khoảng 1.300.000 đồng/tháng, tiền xe đi lại đi học (từ nhà tại xã B ra thị trấn Đ) là 850.000 đồng/tháng; tiền ăn 2.000.000 đồng/tháng; các khoản khác như sách vở, quần áo và các nhu yếu phẩm cần thiết khác khoảng 1.000.000 đồng/tháng. Như vậy, chi phí nuôi dưỡng cháu L một tháng khoảng 5.150.000 đồng.

Mặc dù các bên đã thỏa thuận phân chia tài sản rồi nhưng bà H chỉ được nhận 1/2 thửa đất có diện tích 25.600,7m² trồng điều là khoảng 12.000m² nhưng sản lượng thu hoạch hằng năm ít, phần còn lại đã chia cho con trai ông N và bà H là cháu Nguyễn Hoàng H1. Thu nhập của bà H chủ yếu phụ thuộc vào phần đất trồng cây điều này với giá trị trung bình khoảng 50 triệu đồng/mùa vụ sau khi đã trừ đi các chi phí. Ngoài ra, thỉnh thoảng bà H đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập nhưng do đang bị bệnh tuyến giáp, sức khỏe không đảm bảo nên thu nhập từ làm thuê trung bình mỗi tháng khoảng 500.000 đồng/tháng. Việc điều trị bệnh cũng mất nhiều chi phí trung bình khoảng 2.000.000 đồng/tháng. Trong khi đó, giữa ông N và bà H đã có thỏa thuận miệng ông N sẽ hỗ trợ chi phí cho cháu L trong việc ăn học nhưng ông N không thực hiện mặc dù ông N được nhận phần tài sản nhiều hơn.

Do đó, bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Mai L với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N thống nhất với lời trình bày của bà H về việc ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mai L.

Do trước khi ly hôn ông N và bà H đã thỏa thuận thống nhất chia tài sản (có lập văn bản có chữ ký của hai bên và các con vào ngày 18/6/2022) như sau: Bà H được nhận phần tài sản có nguồn thu nhập chính là thửa đất có diện tích khoảng 2,5ha thuộc thửa số 38 tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cùng căn nhà xây trên đất. Còn ông N nhận thửa đất số 409 tờ bản đồ số 9 và tài sản trong gia đình hiện có; một nửa vườn cây ăn trái khoảng 0,3ha thuộc thửa đất số 38 (một phần trong thửa đất bà H được chia); 01 thửa đất trồng điều chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Do bà H được nhận tài sản là thu nhập chính nên bà H nhận nuôi cháu Mai L thì không cần ông N cấp dưỡng. Giữa ông N và bà H cũng không có thỏa thuận miệng về việc hỗ trợ chi phí nuôi cháu Mai L như bà H trình bày. Đối với thửa đất bà H được nhận, cháu Nguyễn Hoàng H1 chỉ đứng tên chung chứ không quản lý, sử dụng vì cháu H1 hiện nay đã tốt nghiệp đại học, đi làm có thu nhập.

Mặt khác, hiện nay phần diện tích đất rẫy trồng điều ông N được chia không có trái nên thu nhập của ông N rất thấp, ông N đã lập gia đình riêng nên

để đảm bảo cuộc sống gia đình, ông N phải đi làm thuê kiếm thêm thu nhập. Hơn nữa ông N đang bị bệnh lao, mỗi tháng phải đi khám bệnh và uống thuốc điều trị nên cuộc sống rất khó khăn. Do đó, ông N không đồng ý cấp dưỡng vì không có khả năng cấp dưỡng cho cháu L theo yêu cầu của bà H.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mai L, sinh ngày 20/12/2008 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tính từ ngày 30/11/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà Hoàng Thị H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị H; Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị H làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị H tăng mức cấp dưỡng là thấp đề nghị Tòa án thụ lý chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét thấy, hiện nay thu nhập của ông N và bà H đều từ làm rẫy và làm thuê, cụ thể bà H canh tác và thu hoạch điều trên phần đất có diện tích khoảng 1,2ha với giá trị khoảng 50 triệu đồng/mùa vụ và làm thuê với thu nhập trung bình khoảng 500.000đồng/tháng. Còn ông N canh tác, thu hoạch trên phần đất trồng điều có diện tích khoảng 02ha (hiện thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và làm thuê với thu nhập từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000đồng/tháng. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì phần diện tích đất ông N canh tác có vị trí xấu nên sản lượng điều thu hoạch hàng năm không cao. Mặt khác, hiện nay ông N đã lập gia đình riêng, bị bệnh lao phổi cần điều trị làm ảnh hưởng sức khỏe, khả năng lao động. Mặc dù bà H cũng có điều kiện kinh tế khó khăn, đang điều trị bệnh nhưng mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng mà bà H yêu cầu là cao so với mức thu nhập và chi phí cho cuộc sống riêng của ông N. Do đó, để đảm bảo lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung nhưng vẫn đảm bảo cuộc sống của người phải cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con và phù hợp với thực tế thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi cháu L số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01tháng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy yêu cầu kháng cáo về nội dung này của bà H không được chấp nhận.

[2.2] Về thời điểm cấp dưỡng: Theo lời trình bày của ông N và biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 18/6/2022 giữa ông N và bà H có thể hiện nội dung ai là người trực tiếp nuôi con thì không cần cấp dưỡng. Bà H cho rằng giữa các bên có thỏa thuận ông N có trách nhiệm hỗ trợ chi phí học tập cho cháu Mai L nhưng chỉ thỏa thuận miệng, phía ông N không thừa nhận và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh thỏa thuận này. Vì vậy, thời điểm ông N cấp dưỡng được tính từ ngày bà H yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (ngày Tòa án thụ lý ngày 30/11/2023) cho đến khi cháu Mai L đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà H buộc ông N cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Mai L từ tháng 7 năm 2022 là không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 bà H thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng

ngộ, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 82, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Mai L, sinh ngày 20/12/2008 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tính từ ngày 30/11/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 bà H thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đ;
- Chi cục THADS huyện Bù Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Viết Phong

